TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 9 - 2025.
Về: " Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;
2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Trọng Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 488/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1990, (CCCD 089090000312, do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 21/02/2024); địa chỉ cư trú: Số C, tổ A, ấp L, xã L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Số E, tổ B, ấp L, xã L, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, ông Đ, bà K cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 30/5/2025 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn ông Võ Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà K được hình thành là do tự tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2016, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C (nay là xã L, tỉnh An Giang), theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79 ngày 21/6/2018. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2025 phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do bà K có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài, ông khuyên ngăn nhưng bà không nghe, dẫn đến bất đồng rồi gây cải và ly thân nhau từ tháng 02/2025 đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình bỏ mặt không đứng ra hàn gắn. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn với bà K.

Về quan hệ con chung: Ông với bà K có 01 con chung tên Võ Nhựt P, sinh ngày 23/4/2018, hiện do ông đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà K tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà K không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bà Trần Thị K để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng bà vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông Đ có đơn xin vắng mặt, nhưng bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông Đ – bà K chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, gây cải dẫn đến ly thân nhau, gia đình không hàn gắn, nên ông Đ xin ly hôn là có căn cứ; về con chung: Cháu Võ Nhựt P từ khi cha mẹ ly thân đến nay cháu được ông Đức N, để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu, đề nghị HĐXX xem xét giao cháu P cho ông Đ tiếp tục nuôi; về tài sản chung, nợ chung, không đề cập. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục*: Ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; riêng bà K được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông Đ, bà K, theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền*: Ông Đ khởi kiện ly hôn với bà K là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà K có địa chỉ cư trú tại xã L, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đ – bà K kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2016, hôn nhân có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79 ngày 21/6/2018, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông Đ có đơn xét xử vắng mặt nhưng bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do bà K có mối quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài, ông khuyên ngăn nhưng bà không nghe, dẫn đến bất đồng rồi gây cải và ly thân nhau, gia đình bỏ mặt không hàn gắn..

Qua trình bày của ông Đ, mặc dù bà K đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng về yêu cầu xin ly hôn của ông Đ, nhưng bà không có ý kiến phản đối, chứng tỏ trình bày của ông Đ là có căn cứ, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm, gia đình bỏ mặt, nên khả năng đoàn tụ lại không thể, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Đ.

[4]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy cháu Võ Nhựt P từ trước nay là do ông Đ nuôi, tình cảm giữa cháu P với ông đã thật sự gắn bó. Để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về sau, HĐXX chấp nhận giao cháu P cho ông Đ tiếp tục nuôi là phù hợp.

Thông qua bản án HĐXX cũng giải thích cho ông Đ biết: Trong thời gian nuôi con, ông Đ cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông Đ không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về quan hệ tài sản chung:* Ông Đức tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[6]. *Về quan hệ nợ chung*: Ông Đ khai ông với bà K không có nợ chung. Tuy nhiên do bà K vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này bà K có chứng cứ khác chứng minh có nợ chung và bà K có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7]. *Về án phí*: Ông Võ Văn Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn Đ được ly hôn với bà Trần Thị Kiều .

Về quan hệ con chung: Ông Võ Văn Đ được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Võ Nhựt P, sinh ngày 23/4/2018. Bà K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Ông Võ Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0024690 ngày 30/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (*ông Đ nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/9/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS KV11-AG;
- Phòng THADS KV11-AG để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- vp.

Lê Văn Huệ